

Số: 1023/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành Tư pháp năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành Tư pháp năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG


Lê Thành Long

KẾ HOẠCH

**Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động
của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành Tư pháp năm 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1023/QĐ-BTP ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Kiểm tra tình hình tổ chức cán bộ và hoạt động của một số đơn vị thuộc Bộ, Ngành; đánh giá về những kết quả đã đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện;

b) Kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ; đánh giá những kết quả đã đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ đã phân cấp cho địa phương;

c) Ghi nhận những đề xuất, kiến nghị từ các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương, cơ quan thi hành án dân sự làm cơ sở cho việc tiếp tục hoàn thiện, đề xuất hoàn thiện các chủ trương, chính sách, giải pháp để kiện toàn, củng cố tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

2. Yêu cầu

a) Việc kiểm tra được thực hiện một cách thực chất, toàn diện, nghiêm túc; đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm và hiệu quả;

b) Nội dung kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, bám sát các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc của Bộ và của các đơn vị thuộc Bộ, Ngành; các quy định về phân cấp quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ; các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính;

c) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ và xác định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong kiểm tra.

II. NỘI DUNG

1. Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ

1.1. Nội dung kiểm tra

Việc kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị trong năm 2020 tập trung vào các nội dung sau:

a) Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ

- Công tác tổ chức bộ máy: Tình hình kiện toàn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị theo Nghị định số 96/2017/NĐ-CP;

việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trực thuộc đơn vị; vai trò quản lý, điều hành và mối quan hệ công tác giữa Lãnh đạo đơn vị và các tổ chức trực thuộc đơn vị;

- Công tác quản lý, sử dụng biên chế: Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị (số lượng biên chế được giao, biên chế thực hiện), đánh giá sự phù hợp và chưa phù hợp về biên chế hành chính, số lượng người làm việc; thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại đơn vị (số lượng phó thủ trưởng đơn vị, quy định lãnh đạo cấp trên không kiêm nhiệm thủ trưởng đơn vị cấp dưới, số lượng lãnh đạo cấp phòng);

- Tình hình thực hiện Đề án vị trí việc làm, Đề án tinh giản biên chế đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt;

- Tình hình ban hành và thực hiện quy định phân công công tác giữa Lãnh đạo đơn vị, Quy chế làm việc của đơn vị;

- Tình hình thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp; việc thực hiện cơ chế đối với các đơn vị sự nghiệp và việc thực hiện giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Quyết định số 2944/QĐ-BTP ngày 22/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 16/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tư pháp đến năm 2021, định hướng đến năm 2030;

- Tình hình thực hiện công tác cán bộ tại đơn vị trong giai đoạn ***từ thời điểm ngày 01/01/2018 đến ngày 30/5/2020*** (tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, cho thôi chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, việc quản lý hồ sơ cán bộ, rà soát cập nhật hồ sơ điện tử; nâng bậc lương, đánh giá công chức, viên chức, tình hình thực hiện phân cấp quản lý công chức, viên chức, người lao động trong các đơn vị quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp).

b) Đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

c) Những đề xuất, kiến nghị của đơn vị trong thực hiện công tác cán bộ, kiện toàn, củng cố tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động.

(Kèm theo Đề cương báo cáo và các phụ lục)

1.2. Đối tượng kiểm tra

- Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;
- Nhà xuất bản Tư pháp;
- Trường Trung cấp Luật Thái Nguyên.

1.3. Thành phần làm việc

- a) Thành phần Đoàn kiểm tra

- Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ - Trưởng đoàn;
- Lãnh đạo Văn phòng Bộ;
- Lãnh đạo Cục Kế hoạch - Tài chính;
- Chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan.

b) Thành phần làm việc với Đoàn kiểm tra

- Lãnh đạo đơn vị;
- Cấp uỷ và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị;
- Lãnh đạo các Phòng thuộc đơn vị;
- Bộ phận tham mưu, giúp lãnh đạo đơn vị về công tác tổ chức cán bộ.

1.4. Hình thức và thời gian kiểm tra

Đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với các đơn vị được kiểm tra hoặc kiểm tra trên cơ sở báo cáo của các đơn vị. Lịch kiểm tra cụ thể sẽ được thông báo đến từng đơn vị được kiểm tra (thời gian dự kiến: tháng 7/2020 đến tháng 10/2020).

2. Kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp, thi hành án dân sự địa phương và phân cấp quản lý nhà nước của các cơ quan tư pháp

2.1. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động và phân cấp quản lý nhà nước của các cơ quan tư pháp

- Tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan tư pháp địa phương; đánh giá những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, đề xuất giải pháp trong việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ;

- Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp (theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Công văn số 308-CV/BCSĐ ngày 16/8/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp); đánh giá những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, đề xuất giải pháp thực hiện trong thời gian tới;

- Việc thực hiện tiêu chuẩn Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, bố trí công chức Phòng Tư pháp cấp huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tại địa phương, bao gồm công chức Tư pháp - Hộ tịch và cán bộ hợp đồng hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ (tập trung kiểm tra, đánh giá về số lượng, tiêu chuẩn, trình độ, chất lượng, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức tư pháp cấp huyện, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã theo quy định của Luật Hộ tịch);

- Tình hình thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ (bao gồm tất cả các lĩnh vực tư pháp đã phân cấp cho địa phương theo Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp được quy định tại các Luật và

các văn bản hướng dẫn thi hành khác); đánh giá những kết quả, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ đã phân cấp cho cơ quan tư pháp địa phương và đề xuất, kiến nghị sửa đổi các quy định về phân cấp quản lý cho phù hợp.

(Kèm theo Đề cương báo cáo và các phụ lục)

b) Kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan thi hành án dân sự

- Tình hình thực hiện phân bổ biên chế, Đề án vị trí việc làm; thực trạng cơ cấu tổ chức, biên chế của đơn vị, đánh giá sự phù hợp và chưa phù hợp về cơ cấu tổ chức, số lượng biên chế; thực hiện số lượng phó thủ trưởng đơn vị, quy định lãnh đạo cấp trên không kiêm nhiệm thủ trưởng đơn vị cấp dưới, số lượng lãnh đạo cấp phòng;

- Tình hình ban hành và thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức trực thuộc đơn vị; đánh giá hoạt động cấp phòng, việc phân công nhiệm vụ giữa các tổ chức trực thuộc đơn vị; vai trò quản lý, điều hành và mối quan hệ công tác giữa Lãnh đạo đơn vị và các tổ chức trực thuộc đơn vị;

- Tình hình thực hiện công tác tổ chức cán bộ tại đơn vị trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/5/2020 (tuyển dụng, ký hợp đồng lao động; đánh giá công chức, viên chức; quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, kỷ luật và các nội dung khác về công tác tổ chức cán bộ theo phân cấp), những vướng mắc, khó khăn trong triển khai thực hiện.

(Kèm theo Đề cương báo cáo và các phụ lục)

2.2. Đối tượng kiểm tra

a) Kiểm tra về tình hình tổ chức, hoạt động của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, tư pháp - hộ tịch cấp xã tại Sở Tư pháp các tỉnh:

- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đà Nẵng.

b) Kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan Thi hành án dân sự tại Cục Thi hành án dân sự các tỉnh:

- Cục Thi hành án tỉnh Thái Nguyên;
- Cục Thi hành án tỉnh Sóc Trăng;
- Cục Thi hành án tỉnh Quảng Nam.

2.3. Thành phần làm việc

a) Thành phần Đoàn kiểm tra

- Lãnh đạo Bộ Tư pháp - Trưởng đoàn;
- Đại diện Bộ Nội vụ;
- Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ;
- Lãnh đạo Tổng cục Thi hành án dân sự;
- Lãnh đạo Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
- Lãnh đạo Cục Bổ trợ tư pháp;
- Lãnh đạo Cục Kế hoạch - Tài chính;
- Lãnh đạo Cục Công tác phía Nam (đối với đoàn kiểm tra các tỉnh phía Nam);
- Lãnh đạo một số đơn vị khác thuộc Bộ;
- Chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ.

b) Thành phần làm việc với Đoàn kiểm tra

- Đối với Sở Tư pháp

- + Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- + Lãnh đạo các đơn vị, tổ chức thuộc Sở Tư pháp;
- + Lãnh đạo một số Phòng Tư pháp cấp huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã;

+ Sở Tư pháp mời đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Sở Nội vụ tham gia.

- Đối với Cục Thi hành án dân sự

- + Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự;
- + Lãnh đạo các Phòng thuộc Cục Thi hành án dân sự;
- + Lãnh đạo một số Chi cục Thi hành án dân sự.

2.4. Hình thức và thời gian kiểm tra

Bộ Tư pháp tổ chức đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp tại các Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố được kiểm tra trong thời gian dự kiến là 1/2 ngày (đối với mỗi đơn vị) hoặc kết hợp với kiểm tra các công tác tư pháp khác hoặc kiểm tra qua báo cáo. Lịch kiểm tra cụ thể được quyết định trên cơ sở thống nhất thời gian giữa Bộ Tư pháp và các tỉnh được kiểm tra (thời gian dự kiến trong khoảng thời gian từ tháng 6, 7, 8 và tháng 11/2020).

3. Kiểm tra chuyên đề về phân cấp quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp

3.1. Nội dung và phân công kiểm tra

Kiểm tra chuyên đề về tình hình thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp theo Kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn và các đoàn thanh tra, kiểm tra khảo sát của Bộ Tư pháp năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 955/QĐ-BTP ngày 29/4/2020).

3.2. Đối tượng kiểm tra, thành phần làm việc, hình thức và thời gian kiểm tra

Bộ Tư pháp sẽ thông báo đối tượng kiểm tra, thành phần làm việc, hình thức và thời gian kiểm tra chuyên đề về phân cấp quản lý nhà nước tới các cơ quan, đơn vị được kiểm tra và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trước thời gian kiểm tra (đối với cơ quan tư pháp không thuộc đối tượng tại điểm 2.2 Mục này).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp

- Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị lồng ghép với các nội dung kiểm tra khác để tổ chức Đoàn kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị được kiểm tra tại điểm 1 và 2 Mục II của Kế hoạch: chuẩn bị nội dung, thông báo thời gian, địa điểm kiểm tra, tổng hợp xây dựng kết luận kiểm tra trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành hoặc ban hành khi được Lãnh đạo Bộ ủy quyền; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra theo quy định.

- Các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ (bao gồm: Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Cục Bỏ trợ tư pháp, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Cục Trợ giúp pháp lý, Cục Con nuôi, Cục Bồi thường nhà nước, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia) có trách nhiệm thực hiện kiểm tra phân cấp quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị tại các địa phương theo Kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, thanh tra, kiểm tra, khảo sát năm 2020 của Bộ Tư pháp; thông báo nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra, thành phần làm việc với đoàn kiểm tra tới các cơ quan, đơn vị được kiểm tra trước thời gian kiểm tra; tổng hợp kết quả kiểm tra, báo cáo Lãnh đạo Bộ và gửi kết quả kiểm tra về Vụ Tổ chức cán bộ **trước ngày 30 tháng 11 năm 2020** (trường hợp không kết hợp kiểm tra với Vụ Tổ chức cán bộ tại các địa phương, đơn vị tại mục 1, mục 2 phần II của Kế hoạch này).

- Các đơn vị thuộc thành phần đoàn kiểm tra tại điểm 1 và 2 Mục II của Kế hoạch: bố trí Lãnh đạo đơn vị tham gia đoàn kiểm tra, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc, tổng hợp kết quả, xây dựng kết luận kiểm tra báo cáo Lãnh đạo Bộ.

- Cục Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ bảo đảm các điều kiện, cơ sở vật chất để thực hiện các nội dung công việc theo Kế hoạch đã đề ra.

2. Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm

- Các đơn vị thuộc Bộ được kiểm tra tại điểm 1 Mục II của Kế hoạch phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc, bố trí thành

phần làm việc với Đoàn kiểm tra; chuẩn bị báo cáo đánh giá về tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị theo nội dung đã nêu tại điểm 1.1 mục II của Kế hoạch, gửi về Vụ Tổ chức cán bộ **trước ngày 30 tháng 6 năm 2020** để phục vụ việc kiểm tra.

- Sở Tư pháp các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Quảng Nam, Đà Nẵng phối hợp các cơ quan, đơn vị tại địa phương và Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp để chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc; mời các thành phần tham gia làm việc với Đoàn kiểm tra tại địa phương; chuẩn bị báo cáo đánh giá theo nội dung đã nêu tại điểm 2 Mục II của Kế hoạch và gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Tổ chức cán bộ) **trước ngày 10 tháng 6 năm 2020** để phục vụ việc kiểm tra.

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên, Sóc Trăng, Quảng Nam chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc, bố trí thành phần làm việc với Đoàn kiểm tra; chuẩn bị báo cáo đánh giá về tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị theo nội dung đã nêu tại điểm 2 Mục II của Kế hoạch và gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp) **trước ngày 10 tháng 6 năm 2020** để phục vụ việc kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành Tư pháp năm 2020, Bộ Tư pháp thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện. Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ chung và tình hình thực tế, Kế hoạch này có thể được Đoàn kiểm tra điều chỉnh và thông báo trước tới các cơ quan, đơn vị có liên quan./.

BỘ TRƯỞNG



Lê Thành Long

BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

1. Công tác tổ chức bộ máy; cơ cấu tổ chức, biên chế; số lượng, chất lượng công chức, viên chức, người lao động

- Số lượng, cơ cấu, chất lượng công chức, viên chức người lao động của đơn vị (theo phụ lục đính kèm);

- Công tác tổ chức bộ máy: Tình hình kiện toàn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị theo Nghị định số 96/2017/NĐ-CP; việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trực thuộc đơn vị; vai trò quản lý, điều hành và mối quan hệ công tác giữa Lãnh đạo đơn vị và các tổ chức trực thuộc đơn vị;

- Việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của đơn vị;

- Công tác quản lý, sử dụng biên chế: Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động 68 trong các đơn vị (số lượng biên chế được giao, biên chế thực hiện), đánh giá sự phù hợp và chưa phù hợp về biên chế hành chính, số lượng người làm việc; thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại đơn vị (số lượng phó thủ trưởng đơn vị, quy định lãnh đạo cấp trên không kiêm nhiệm thủ trưởng đơn vị cấp dưới, số lượng lãnh đạo cấp phòng);

- Tình hình thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp; việc thực hiện cơ chế đối với các đơn vị sự nghiệp và việc thực hiện giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Quyết định số 2944/QĐ-BTP ngày 22/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 16/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tư pháp đến năm 2021, định hướng đến năm 2030.

2. Tình hình thực hiện công tác tổ chức cán bộ tại đơn vị 2.1. Về thực hiện chính sách tinh giản biên chế

2.2. Về xây dựng và thực hiện Đề án vị trí việc làm

2.3. Về quản lý công chức, viên chức, hợp đồng lao động (Tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2020)

- Quy hoạch, đánh giá công chức, viên chức;

- Tuyển dụng, về ký kết, quản lý, sử dụng, thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

- Phân công công việc, chuyển chuyển, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác;
- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, cho thôi chức vụ;
- Chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức; thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
- Thực hiện chế độ tiền lương, cho thôi việc, nghỉ không hưởng lương, nghỉ phép hàng năm, nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với công chức, viên chức;
- Kỷ luật công chức, viên chức;
- Thực hiện công tác bảo hiểm xã hội đối với công chức, viên chức;
- Kiểm tra việc thực hiện pháp luật công chức, viên chức; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo phân cấp và quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
- Công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động;
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;
- Thực hiện quy định về số lượng cấp phó;
- Quản lý hồ sơ viên chức, cập nhật hồ sơ điện tử.

3. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

3.2. Nguyên nhân

3.2.1. Nguyên nhân khách quan

3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp tỉnh năm 2020¹

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TỈNH

1. Vị trí địa lý:
2. Dân số:
3. Đơn vị hành chính:
4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

II. VỀ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TƯ PHÁP ĐỊA PHƯƠNG.

1. Kết quả thực hiện

1.1. Về tình hình tổ chức cán bộ của Sở Tư pháp

- Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành các văn bản, đề án, Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, đề án vị trí việc làm; Quyết định quy định tiêu chuẩn công chức lãnh đạo Sở Tư pháp, phòng Tư pháp;

- Về tình hình tổ chức của Sở Tư pháp (số lượng các tổ chức hành chính và các đơn vị sự nghiệp) và việc thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Công văn số 308-CV/BCSD ngày 16/8/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đề nghị phối hợp chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp địa phương đối với Sở Tư pháp;

- Biên chế được giao, biên chế thực hiện, cơ cấu, chất lượng công chức, người lao động của Sở Tư pháp;

- Biên chế được giao, biên chế thực hiện, cơ cấu, chất lượng, số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp; tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở;

- Việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp quy định tại Thông tư số 10/2019/TT-BTP ngày 30/12/2019 của Bộ Tư pháp quy định về tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1.2. Về tình hình tổ chức cán bộ của Phòng Tư pháp

- Việc tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp huyện kiện toàn tổ chức, phân bổ biên chế cho Phòng Tư pháp;

¹ Kèm theo Đề cương này 05 mẫu Phụ lục về tổ chức cán bộ của cơ quan tư pháp địa phương.

- Số lượng, cơ cấu, chất lượng công chức tư pháp cấp huyện;
- Số công chức tham gia cấp ủy, Hội đồng nhân dân cấp huyện.

1.3. Về đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã

- Việc phối hợp đề xuất UBND tỉnh ban hành quy định về số lượng cán bộ, công chức chuyên trách cấp xã và kết quả thực hiện quy định này (đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã);

- Số lượng, chất lượng đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch;
- Kết quả bồi dưỡng kiến thức theo quy định của Luật Hộ tịch;
- Số công chức tham gia cấp ủy, Hội đồng nhân dân cấp xã.

1.4. Về tình hình tổ chức cán bộ làm công tác pháp chế

- Số lượng tổ chức pháp chế trong cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Số lượng, chất lượng công chức làm công tác pháp chế.

1.5. Tình hình phát triển, hoạt động các tổ chức nghề tư pháp (công chứng, đấu giá, giám định tư pháp) trên địa bàn tỉnh

1.6. Tình hình thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ

- Tình hình thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ (bao gồm tất cả các lĩnh vực tư pháp đã phân cấp cho địa phương theo Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp được quy định tại các Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành khác);

- Đánh giá những kết quả, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ đã phân cấp cho cơ quan tư pháp;

- Đề xuất, kiến nghị sửa đổi các quy định về phân cấp quản lý cho phù hợp.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Bộ Tư pháp và các cơ quan ở trung ương

2. Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

Biểu số 01

TỔNG HỢP RÀ SOÁT CÁN BỘ THUỘC SỞ TƯ PHÁP

(*Tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30 tháng 5 năm 2020*)

TT	Tên đơn vị	Số cán bộ lãnh đạo			Dân tộc	Độ tuổi				Thời gian làm công tác tư pháp			Trình độ										Số cán bộ đã được bồi dưỡng nghiệp vụ	Số cán bộ đã được bồi dưỡng nghiệp vụ	Số cán bộ HD khác	Số HD theo ND68	Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng				Số cán bộ HD khác																							
		Tổng số công chức, viên chức	Khác	Kinh		Trên 50	Từ 40 đến 50	Từ 30 đến dưới 40	Dưới 30	Trên 10 năm	Từ 05-10 năm	Dưới 05 năm	Văn hoá	Chuyên môn			Chính trị	Ngoại ngữ	Tin học		Quản lý nhà nước	CV					CVC	CV cao cấp	CV	CVC		CV &td	CVC &td	CVCC &td	Đảng viên	Thạc sỹ Luật	Cử nhân Luật	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16			17	18			19	20	21	22					23										24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37
I	Lãnh đạo Sở																																																					
II	Cấp Phòng và tương đương																																																					
1																																																						
2																																																						
.....																																																						
	Tổng cộng																																																					
	Nam																																																					
	Nữ																																																					

Ví dụ:

Tổng cộng	10	2	8	2	2	3	2	3	2	3	3	4	10	0	0	1	2	6	0	0	1	0	2	8	0	0	10	0	10	0	8	2	6	0	4	6	0	3	3	0	4	6	0	2	1	
Nam	5	5	3	2	1	2	0	2	1	2	2	5	0	0	1	1	3	0	0	0	0	0	1	4	0	0	5	0	5	0	4	1	2	0	2	3	0	2	2	0	2	0	2	0	0	0
Nữ	5	5	5	0	1	1	2	1	2	1	2	5	0	0	1	3	0	0	1	0	1	0	1	4	0	0	5	0	5	0	4	1	4	0	2	3	0	1	1	0	2	4	0	0	0	1

Ghi chú

Tại cột số 2: Đề nghị ghi cụ thể tên các Phòng và đơn vị sự nghiệp thuộc Sở

Tại cột số 3: Đề nghị chi thống kê tổng số công chức, viên chức (số liệu cán bộ hợp đồng thống kê tại cột 45 và 46)

Từ cột 6 đến cột 44 thống kê trên cơ sở tổng số công chức, viên chức

Về thông kê trình độ chuyên môn: Đề nghị chi thống kê trình độ chuyên môn cao nhất (Ví dụ: có bằng Thạc sĩ và cử nhân Luật thì chi thông kê ở trình độ thạc sĩ Luật); Trường hợp có trình độ chuyên môn Luật và chuyên môn khác thì chi thông kê chuyên môn cao nhất theo yêu cầu của vị trí việc làm

Về số liệu về giới: đề nghị thống kê bên dưới hàng tổng cộng, phân tách số liệu về giới trên tổng số công chức, viên chức như ví dụ trên

Biểu số 02

TỔNG HỢP RÀ SOÁT CÁN BỘ THUỘC PHÒNG TƯ PHÁP
(*Tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30 tháng 5 năm 2020*)

TT	Tên Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Tổng số công chức	Số cán bộ lãnh đạo	Dân tộc		Độ tuổi				Thời gian làm công tác TP			Trình độ												Số cán bộ được bồi dưỡng nghiệp vụ	Ngạch công chức	Đảng viên	Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng				Tổng số cán bộ Hợp đồng															
				Kinh	Khác	Dưới 30	Từ 30 đến dưới 40	Từ 40 đến 50	Trên 50	Dưới 05 năm	Từ 05-10 năm	Trên 10 năm	Văn hoá	Chuyên môn			Chính trị		Ngoại ngữ		Tin học		Quản lý nhà nước																								
														Luật	Khác	ThS trở lên	ĐH, CĐ	TCK	Cử nhân, Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Đại học	Chứng chỉ	Chứng chỉ				Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	CV	CVC		Thạc sỹ Luật	Cử nhân Luật	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43					

Vi dụ:

Tổng cộng	6	2	4	2	2	3	1	0	3	2	1	6	0	0	1	4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	6	0	6	4	0	6	2	1	3	2	0	2
Nam	3	1	2	1	0	2	1	0	1	1	1	3	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	3	0	3	2	0	3	1	0	2	1	0	1
Nữ	3	1	2	1	2	1	0	0	2	1	0	3	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	3	0	3	2	0	3	1	0	1	1	0	1

Ghi chú:

Tại cột 3: Để nghị chỉ thống kê tổng số công chức (số liệu cán bộ hợp đồng thống kê tại cột 43)

Từ cột 5 đến cột 42 thống kê trên cơ sở tổng số công chức

Về thống kê trình độ chuyên môn: Để nghị chỉ thống kê trình độ chuyên môn cao nhất (Ví dụ: có bằng Thạc sĩ và cử nhân Luật thì chỉ thống kê ở trình độ thạc sĩ Luật); Trường hợp có trình độ chuyên môn Luật và trình độ chuyên môn khác chỉ thống kê trình độ chuyên môn luật

Về số liệu về giới: để nghị thống kê bên dưới hàng tổng cộng, phân tách số liệu về giới trên tổng số công chức như ví dụ trên

Biểu số 03

TỔNG HỢP RÀ SOÁT ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(*Tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30 tháng 5 năm 2020*)

TT	Tên Huyện/Quận/TX/TP. Thuộc tỉnh	Tổng số Xã/Phường/Thị trấn			Tổng số công chức	Dân tộc	Độ tuổi			Thời gian làm công tác TP			Văn hoá	Trình độ							Tổng số cán bộ đã được bồi dưỡng nghiệp vụ	Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng					Tổng số cán bộ hợp đồng														
		Xã loại 1	Xã loại 2	Xã loại 3			Dưới 30	Từ 30 đến dưới 40	Trên 50	dưới 05 năm	Từ 05-10 năm	Trên 10 năm		Luật			Khác		Chưa đào tạo	Cao đẳng trở lên		Chứng chỉ	Tin học	Thạc sỹ Luật	Đại học Luật	Trung cấp Luật		Bồi dưỡng nghiệp vụ	Ngoại ngữ	Tin học											
														Cấp III	Cấp II	Cấp I	ThS	ĐH, CĐ													TCL	ThS trở lên	ĐH, CĐ	TCK	ĐH, CĐ						
1		2	3	4	5								19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40							
2																																									
3																																									
4																																									
Tổng cộng																																									
Nam																																									
Nữ																																									

Ví dụ:

Tổng cộng	15	20	30	90	0	15	20	10	90	0	30	10	20	30	40	30	40	20	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15
Nam				40	0	40	0	10	15	5	10	15	5	15	15	15	15	40	1	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5
Nữ				50	0	50	0	20	10	5	10	5	10	15	25	15	25	50	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10

Ghi chú:

Tại cột 2 đến cột 4 và cột 8 đến cột 10, để nghị phân tách rõ số liệu theo từng loại đơn vị hành chính xã loại 1, loại 2, loại 3

Tại cột 5: để nghị chỉ thống kê tổng số công chức tư pháp - hộ tịch (số liệu cán bộ hợp đồng thống kê tại cột 40)

Tại cột 6: được hiểu là công chức tư pháp - hộ tịch nhưng kiêm nhiệm các chức danh phó trưởng công an xã, phó chỉ huy quân sự xã (nếu có)

Từ cột 7 đến cột 39 thống kê trên cơ sở tổng số công chức tư pháp - hộ tịch

Về thống kê trình độ chuyên môn: Để nghị chỉ thống kê trình độ chuyên môn cao nhất (Ví dụ: có bằng Thạc sỹ và cử nhân Luật thì chỉ thống kê ở trình độ thạc sỹ); Trường hợp có trình độ chuyên môn Luật và trình độ chuyên môn khác, chỉ thống kê trình độ chuyên môn Luật

Về số liệu về giới: để nghị thống kê bên dưới hàng tổng cộng, phân tách số liệu về giới trên tổng số công chức tư pháp - hộ tịch như ví dụ trên

BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình tổ chức và hoạt động của Cục Thi hành án dân sự năm 2020

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TỈNH VÀ CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

1. Về tỉnh: Vị trí địa lý; dân số; đơn vị hành chính; tình hình phát triển kinh tế - xã hội

2. Tình hình chung về công tác thi hành án dân sự, hành chính trên địa bàn tỉnh

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CÁN BỘ CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG¹

1. Cơ cấu tổ chức, biên chế

1.1. Cấp tỉnh: Số lượng, cơ cấu, chất lượng công chức, người lao động của Cục.

1.2. Cấp huyện: Số lượng, cơ cấu, chất lượng công chức, người lao động của các chi Cục.

2. Tình hình thực hiện công tác tổ chức cán bộ tại đơn vị trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/4/2020

2.1. Về quản lý biên chế và việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế

2.2. Về xây dựng và thực hiện Đề án vị trí việc làm

2.3. Về quản lý công chức, viên chức, hợp đồng lao động

- Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý;

- Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác;

- Công tác bố trí, sắp xếp, hướng dẫn tập sự đối với công chức tuyển dụng mới; công tác nâng ngạch, chuyển ngạch;

- Công tác đánh giá, phân loại công chức;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức;

- Thực hiện quy định về số lượng cấp phó;

- Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ;

¹ Nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm tham mưu, đề xuất đối với cơ quan cấp trên và nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Cục trưởng cục Thi hành án dân sự theo phân cấp của Bộ và quy định của pháp luật.

- Về ký kết, quản lý, sử dụng, thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

- Quản lý hồ sơ công chức;

- Các nội dung khác về công tác cán bộ theo phân cấp.

2.4. Công tác phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện các quy trình của công tác cán bộ.

3. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

3.2. Nguyên nhân

3.2.1. Nguyên nhân khách quan

3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan ở trung ương

2. Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

TT	TÊN CHI CỤC	CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO			CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG												TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO						ĐẢNG, ĐOÀN		DÂN TỘC																													
		Cấp trưởng		Ngày tháng năm bổ nhiệm	Kê toàn trưởng	Trưởng	Phó phụ trách	Cấp phó	Chức vụ đang giữ lần đầu	Chức vụ đang giữ gần nhất	CHV cao cấp	CHV trung cấp	CHV Sơ cấp	Thăm tra viên chính	Thăm tra viên	Thư ký THA	Thư ký trung cấp THA	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự và tương đương	Thu quỹ	Thu kho	Cán sự pháp lý	Kê toán viên chính		Kê toán viên	Kê toán viên trung cấp	Chức danh con lai	Hop đồng theo ND 68	Hop đồng làm việc khác	Tiền sỹ	Thạc sỹ	Dai học Luật	Dai học khác	Trung cấp luật	Khác	Cư nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	CVCC	CVC	Chuyên viên	Quản lý nhà nước	Kỹ luật (trong năm BC từ 01/10-30/9)	Đang viên	Còn lại	Kinh	Khác					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50					
1																																																						
2																																																						
3																																																						
4																																																						
5																																																						
6																																																						
	Tổng cộng																																																					